

Số: *23* /2021/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *28* tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân cấp nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này ban hành quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

3. Nội dung chi, mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định này)

4. Nguồn kinh phí

Căn cứ phân cấp nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được quy định tại Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020, nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo kinh phí thực hiện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 5 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *lsc*

Nơi nhận:

- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Thái Nguyên;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT. *lsc*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Văn phòng Ủy ban nhân dân
Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên
Ngày ký: 29-04-2021 09:57:23
+07:00

Trịnh Việt Hùng

Phụ lục
MỘT SỐ MỨC CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số **43** /2021/QĐ-UBND ngày **28/4/2021**
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi áp dụng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (đồng)	Ghi chú
1	Lập nhiệm vụ, dự án			
a)	Lập nhiệm vụ	Nhiệm vụ	2.000.000	
b)	Lập dự án	Dự án	5.000.000	
c)	Lập dự án có tính chất như dự án đầu tư		Áp dụng theo quy định như nguồn vốn đầu tư	
2	Họp Hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có)	Buổi họp		
a)	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	400.000	<i>Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm</i>
b)	Thành viên, thư ký	Người/buổi	200.000	
c)	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100.000	
d)	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	300.000	
đ)	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	Bài viết	200.000	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	400.000	<i>Trường hợp không thành lập Hội đồng</i>
4	Điều tra, khảo sát			
a)	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500.000	
b)	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
	- Cá nhân	Phiếu	50.000	
	- Tổ chức	Phiếu	100.000	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi áp dụng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (đồng)	Ghi chú
c)	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người/ngày	Mức tiền công 01 người /ngày bằng 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	
d)	Chi cho người dẫn đường	người/ngày	100.000	<i>Chi áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên</i>
đ)	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	người/ngày	200.000	
5	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ			
a)	Nhiệm vụ	Báo cáo	4.000.000	
b)	Dự án	Báo cáo	12.000.000	
6	Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)			
a)	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	600.000	
b)	Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có)	Người/buổi	500.000	
c)	Ủy viên, thư ký Hội đồng	Người/buổi	200.000	
d)	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100.000	
đ)	Bài nhận xét của ủy viên phản biện	Bài viết	400.000	
e)	Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng (nếu có)	Bài viết	300.000	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi áp dụng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (đồng)	Ghi chú
g)	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (<i>số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03</i>)	Bài viết	400.000	
7	Hội thảo khoa học (nếu có)			
a)	Người chủ trì	Người/buổi	400.000	
b)	Thư ký Hội thảo	Người/buổi	200.000	
c)	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100.000	
d)	Báo cáo tham luận	Bài viết	300.000	
8	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ			
a)	Nghiệm thu nhiệm vụ:			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	400.000	
	- Thành viên, thư ký	Người/buổi	200.000	
b)	Nghiệm thu dự án:			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	600.000	
	- Thành viên, thư ký Hội đồng	Người/buổi	200.000	
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	bài viết	400.000	
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng (nếu có)	Bài viết	300.000	
	- Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100.000	
9	Chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện, cấp xã			

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi áp dụng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (đồng)	Ghi chú
a)	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện	Người/tháng	Mức chi hợp đồng lao động bằng 1,2 (một phẩy hai) lần hệ số lương bậc 1 công chức loại A1 theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang nhân với mức lương cơ sở do Nhà nước quy định	Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định về chế độ tiền lương được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ nếu được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó
b)	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã	Người/tháng	Mức chi hợp đồng lao động bằng 1,2 (một phẩy hai) lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định	